

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11**  
**Học phần: Kinh tế quốc tế**

STT	Mã Sv	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	1101020003	Đặng Phương	Anh	31/01/2005	KD11A	000001	894	6.60	01
2	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	KD11A	000002	746	9.00	01
3	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD11A	000003	625	6.40	01
4	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	000004	571	6.20	01
5	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	000005	487	5.00	01
6	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	000006	352	6.40	01
7	1101020050	Đỗ Quyết	Chiến	15/06/2005	KD11A	000007	213	8.00	01
8	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	000008	130	8.40	01
9	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	000009	894	6.20	01
10	1101020069	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/2003	KD11A	000010	746	6.80	01
11	1101020944	Lê Thị	Duyên	05/04/2005	KD11A	000011	625	5.40	01
12	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	000012	571	5.60	01
13	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	000013	487	7.60	01
14	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	000014	352	5.00	01
15	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	000015	213	6.40	01
16	1101020095	Phan Thị	Hiển	05/10/2005	KD11A	000016	130	7.00	01
17	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	000017	894	5.20	01
18	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	000018	746	4.60	01
19	1101021358	Hoàng Phi	Hùng	17/07/2003	KD11A	000019	625	6.20	01
20	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	000020	571	5.40	01
21	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	000021	487	4.40	01
22	1101020115	Phùng Thị	Hương	07/05/2005	KD11A	000022	352	5.40	01
23	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	000023	213	4.00	01
24	810211730	Nguyễn Văn	Khải	18/10/2002	KD11A	000024	130	8.20	01
25	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	12/09/2005	KD11A	000025	894	7.40	01
26	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	000026	746	4.00	01
27	1101020986	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/04/2005	KD11A	000027	625	4.60	01
28	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	000028	571	6.20	01
29	1101021381	Phạm Thùy	Linh	03/10/2005	KD11A	000029	487	6.80	01
30	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	000030	352	8.40	01

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11**  
**Học phần: Kinh tế quốc tế**

STT	Mã Sv	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
31	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	000031	213	4.40	01
32	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	000032	130	4.60	01
33	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	000033	894	7.40	01
34	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	000034	746	8.20	01
35	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	000035			01
36	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	000036	625	8.80	01
37	1101020244	Thái Minh	Quân	09/02/2005	KD11A	000037	894	4.80	01
38	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	000038	746	5.60	01
39	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	000039	625	5.40	01
40	1101020266	Nguyễn Phương	Thảo	11/02/2005	KD11A	000040	571	4.20	01
41	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	000041	487	4.60	01
42	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	000042	352	5.00	01
43	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	000043	213	7.00	01
44	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	000044	130	8.20	01
45	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	KD11A	000045	894	7.40	01
46	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	000046	746	4.60	01
47	1101021059	Phuong Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	000047	625	5.00	01
48	1101021063	Nguyễn Duy	Tuân	03/05/2005	KD11A	000048	571	6.20	01
49	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	000049	487	4.80	01
50	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	000050	352	5.80	01
51	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	000051	213	5.00	01
52	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	000052	130	4.60	02
53	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	000053	894	7.60	02
54	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	000054	746	6.80	02
55	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD11B	000055	625	5.20	02
56	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	000056	571	6.80	02
57	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	000057	487	6.80	02
58	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	000058			02
59	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	000059	352	6.20	02
60	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	000060	213	6.00	02

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11**  
**Học phần: Kinh tế quốc tế**

STT	Mã Sv	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
61	1101020065	Nguyễn Hữu	Đức	29/06/2005	KD11B	000061	130	6.20	02
62	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	000062	894	6.20	02
63	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	000063	746	7.00	02
64	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	000064	625	7.20	02
65	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	000065	571	4.20	02
66	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	000066	487	4.80	02
67	1101020087	Trần Thu	Hà	14/05/2005	KD11B	000067	352	6.00	02
68	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	000068	213	6.00	02
69	1101020562	Phùng Tuấn	Hùng	01/06/2005	KD11B	000069	130	4.80	02
70	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	000070	894	5.20	02
71	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	000071	746	6.00	02
72	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	000072	571	8.60	02
73	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	000073	894	5.40	02
74	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	000074	746	6.40	02
75	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	000075	625	6.20	02
76	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B	000076	571	5.20	02
77	1101020160	Nguyễn Thùy	Linh	17/12/2005	KD11B	000077	487	6.00	02
78	1101020171	Nguyễn Thị Phương	Loan	03/07/2005	KD11B	000078	352	8.20	02
79	1101021337	Phùng Thị Hải	Ly	24/03/2005	KD11B	000079	213	7.00	02
80	1101021336	Bùi Thanh	Mai	16/02/2005	KD11B	000080	894	6.80	02
81	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	000081	746	5.00	02
82	1101020185	Nguyễn Tuyết	Mai	10/12/2005	KD11B	000082	625	5.00	02
83	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	000083	571	6.20	02
84	1101020202	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/06/2005	KD11B	000084	487	6.00	02
85	1101020413	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/03/2005	KD11B	000085	352	7.20	02
86	1001021556	Chu Yên	Nhi	04/08/2004	KD11B	000086	213	5.20	02
87	1101020878	Đỗ Trang	Nhung	10/06/2005	KD11B	000087	130	5.20	02
88	1101020226	Nguyễn Cẩm	Nhung	02/11/2005	KD11B	000088	894	6.60	02
89	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	000089	746	4.00	02
90	1101020232	Bùi Thu	Phương	12/06/2005	KD11B	000090	625	5.20	02

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11**  
**Học phần: Kinh tế quốc tế**

STT	Mã Sv	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
91	1101020241	Trần Thị Hoài	Phuong	28/07/2005	KD11B	000091	571	3.80	02
92	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	000092	130	4.60	02
93	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	000093			02
94	1101021033	Hoàng Thị Phương	Thảo	29/05/2005	KD11B	000094	352	7.40	02
95	1101021396	Nguyễn Thị	Thảo	03/02/2005	KD11B	000095	213	7.60	02
96	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	000096	130	6.60	02
97	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	000097	894	6.60	02
98	1101020290	Lê Thị Thuý	Tinh	23/10/2005	KD11B	000098	746	4.60	02
99	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	000099	625	7.80	02
100	1101020305	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/2005	KD11B	000100	571	7.20	02
101	1101020309	Trần Huyền	Trang	15/08/2005	KD11B	000101	487	6.20	02
102	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	000102	352	5.40	02
103	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	000103	213	7.20	02
104	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	000104	130	5.80	02
105	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	000105	130	6.40	02
106	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD11C	000106	213	5.20	02
107	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	000107	487	4.20	03
108	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	000108	352	4.80	03
109	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	000109	894	8.20	03
110	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	000110	894	6.00	03
111	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	000111	746	5.00	03
112	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	000112	571	5.20	03
113	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	000113	487	6.00	03
114	1101020034	Vũ Thị Hồng	Anh	10/09/2005	KD11C	000114	352	7.40	03
115	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	KD11C	000115	352	7.40	03
116	1101020039	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/05/2005	KD11C	000116	213	5.80	03
117	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	000117	130	7.60	03
118	1101021413	Đặng Thị Linh	Chi	04/01/2005	KD11C	000118	487	7.00	03
119	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	000119	213	6.00	03
120	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	000120	571	4.60	03

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11**  
**Học phần: Kinh tế quốc tế**

STT	Mã Sv	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
121	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	000121	487	5.80	03
122	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	000122	625	5.00	03
123	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	000123	130	5.60	03
124	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	000124	746	6.80	03
125	1101021452	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/11/2004	KD11C	000125	213	5.60	03
126	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	000126	352	4.20	03
127	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	000127	625	7.00	03
128	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	000128	130	5.80	03
129	1101020126	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/04/2005	KD11C	000129	571	7.80	03
130	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	000130	894	5.00	03
131	1101020146	Lê Nguyễn Thùy	Linh	23/09/2005	KD11C	000131	571	6.00	03
132	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	000132	625	5.20	03
133	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	000133	746	7.80	03
134	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	000134	625	5.80	03
135	1101020173	Trương Thị	Luyến	20/10/2005	KD11C	000135	746	5.80	03
136	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	000136	894	4.80	03
137	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	000137	130	4.60	03
138	1101020208	Phạm Ánh	Ngọc	25/11/2005	KD11C	000138	487	7.00	03
139	1001021034	Dương Hoàng	Nhi	14/12/2003	KD11C	000139	571	6.20	03
140	1101020216	Kiều Yến	Nhi	24/10/2005	KD11C	000140	625	8.20	03
141	1101021016	Nguyễn Hồng	Nhung	29/05/2005	KD11C	000141	352	6.40	03
142	1101021022	Chu Lan	Phương	05/07/2005	KD11C	000142	213	5.20	03
143	1101021024	Trịnh Thu	Phương	08/11/2005	KD11C	000143	746	6.60	03
144	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	000144	894	5.80	03
145	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	000145	894	7.80	03
146	1101020706	Cầm Văn	Thù	25/01/2005	KD11C	000146	746	5.60	03
147	1101020279	Lều Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	000147	625	5.40	03
148	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	000148	571	5.80	03
149	1101020902	Đình Thị Yến	Trang	29/01/2005	KD11C	000149	487	6.40	03
150	1101020301	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/10/2005	KD11C	000150	352	7.00	03

1/2

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11**  
**Học phần: Kinh tế quốc tế**

STT	Mã Sv	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
151	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	000151	213	7.60	03
152	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	000152			03
153	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	000153	130	5.60	03
154	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	000154	894	7.00	03
155	901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	000155			03
156	1101020005	Đào Ngọc	Anh	22/07/2005	KD11D	000156	746	5.00	04
157	1101020012	Đồng Mai	Anh	01/05/2003	KD11D	000157	625	5.80	04
158	1101020015	Ngô Hoàng	Anh	16/10/2005	KD11D	000158	571	8.60	04
159	1101020024	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/01/2005	KD11D	000159	487	6.20	04
160	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	000160	352	5.80	04
161	1101020035	Vũ Thị Phương	Anh	16/07/2005	KD11D	000161	213	6.00	04
162	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	000162	130	7.00	04
163	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	000163	894	6.00	04
164	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	000164	746	5.40	04
165	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	000165	625	8.40	04
166	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	000166	571	8.40	04
167	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	000167	487	8.40	04
168	1101020089	Trần Minh	Hải	12/10/2005	KD11D	000168	352	5.20	04
169	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	000169	213	8.20	04
170	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	000170	130	6.60	04
171	1101020096	Đinh Thúy	Hiền	21/05/2005	KD11D	000171	894	7.80	04
172	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	KD11D	000172	746	8.80	04
173	1101021443	Phạm Đức	Hiếu	02/08/2000	KD11D	000173	625	7.20	04
174	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	000174	571	7.40	04
175	1101020108	Đinh Thúy	Hồng	05/11/2005	KD11D	000175	487	5.40	04
176	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	000176	352	8.80	04
177	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	000177	213	8.20	04
178	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	000178	130	7.20	04
179	1101021330	Nguyễn Thu	Huyền	01/10/2005	KD11D	000179	894	8.00	04
180	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	000180	746	4.60	04

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11**  
**Học phần: Kinh tế quốc tế**

STT	Mã Sv	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
181	1101020141	Đặng Mạnh	Linh	11/07/2005	KD11D	000181	894	5.40	04
182	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	000182	746	7.40	04
183	1101020155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/08/2005	KD11D	000183	625	5.20	04
184	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	000184	571	5.60	04
185	1101020178	Trần Thị Vân	Ly	10/10/2005	KD11D	000185	487	6.80	04
186	1101020181	Đặng Ngọc	Mai	11/07/2005	KD11D	000186	352	4.00	04
187	1101020189	Trần Vũ Hồng	Minh	04/12/2005	KD11D	000187	213	5.60	04
188	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	000188	130	6.40	04
189	1101021437	Đỗ Thị Thục	Mỹ	15/04/2005	KD11D	000189	894	6.60	04
190	1101020196	Lê Thị	Nga	23/09/2005	KD11D	000190	746	5.20	04
191	1101021011	Hoàng Thị Huyền	Ngọc	24/07/2005	KD11D	000191	625	5.20	04
192	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyên	08/09/2005	KD11D	000192	571	8.20	04
193	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	000193	487	7.60	04
194	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	000194	352	5.60	04
195	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	000195	213	4.40	04
196	1101020235	Lê Thị Thu	Phương	14/03/2005	KD11D	000196	130	6.00	04
197	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	000197	894	5.00	04
198	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	000198	746	4.60	04
199	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	000199	625	9.00	04
200	1101020263	Lê Thị	Thảo	17/10/2005	KD11D	000200	571	8.00	04
201	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	000201	487	6.40	04
202	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	000202	352	5.60	04
203	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	000203	213	8.40	04
204	1101020287	Đặng Thanh	Thủy	04/08/2005	KD11D	000204	130	5.20	04
205	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	000205	894	8.80	04
206	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	000206	746	4.20	04
207	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	000207	625	5.60	04
208	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	000208	571	6.40	04
209	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	000209	487	5.80	04
210	1101020333	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2005	KD11D	000210	352	5.00	04

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11**  
**Học phần: Kinh tế quốc tế**

STT	Mã Sv	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
211	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	000211	213	4.40	05
212	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	000212	130	6.20	05
213	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	000213	894	4.80	05
214	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	000214	746	5.40	05
215	1101020025	Nguyễn Vân	Anh	01/12/2005	KD11E	000215	625	5.00	05
216	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	000216	571	5.80	05
217	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	000217	894	6.80	05
218	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	000218	746	5.40	05
219	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	000219	625	6.20	05
220	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	000220	571	6.00	05
221	1001021433	Đình Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	000221			05
222	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	000222	487	6.80	05
223	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	000223	352	4.80	05
224	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	000224	213	5.00	05
225	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	000225	130	7.20	05
226	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	000226	894	5.00	05
227	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	000227	746	3.60	05
228	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	000228	625	6.40	05
229	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	000229	571	6.00	05
230	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	000230	487	7.60	05
231	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	000231	352	8.40	05
232	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	000232	213	5.00	05
233	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	000233	130	7.60	05
234	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	000234	894	6.00	05
235	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	000235	746	3.80	05
236	1101020976	Vũ Ngọc	Khánh	13/10/2005	KD11E	000236	625	8.40	05
237	1101020138	Vũ Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	000237	571	6.40	05
238	1101020979	Cà Nhật Minh Ái	Lệ	01/08/2005	KD11E	000238	487	8.00	05
239	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	000239	352	5.60	05
240	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	000240	213	6.40	05

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11**  
**Học phần: Kinh tế quốc tế**

STT	Mã Sv	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
241	1101020169	Đinh Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	000241	130	5.20	05
242	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	000242	894	8.00	05
243	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	000243	746	7.00	05
244	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	000244	625	7.60	05
245	1101020995	Khổng Xuân	Mơ	10/05/2005	KD11E	000245	571	6.40	05
246	1101021291	Nguyễn Thị	Nga	05/02/2004	KD11E	000246	487	8.40	05
247	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	000247	352	6.80	05
248	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	000248	213	8.60	05
249	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	000249	130	6.40	05
250	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	000250	894	6.00	05
251	1101020218	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26/10/2005	KD11E	000251	746	6.40	05
252	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	000252	625	6.00	05
253	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	000253	894	7.60	05
254	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	000254	746	3.80	05
255	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	000255	625	6.80	05
256	1101020264	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/2005	KD11E	000256	571	5.80	05
257	1101020268	Nguyễn Vi	Thảo	10/01/2005	KD11E	000257	487	5.00	05
258	1101020275	Lương Anh	Thư	01/07/2005	KD11E	000258	352	7.40	05
259	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	000259	213	4.60	05
260	1101021046	Nguyễn Thùy	Tiên	11/11/2005	KD11E	000260	130	7.40	05
261	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	000261	894	3.60	05
262	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	000262	746	7.80	05
263	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	000263	625	7.60	05
264	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	000264	571	5.40	05
265	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	000265	487	5.40	05
266	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	000266	352	4.20	05
267	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	000267			05
268	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	000268	213	5.40	06
269	1101020011	Đỗ Vân	Anh	06/10/2005	KD11G	000269	130	5.60	06
270	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	000270	894	7.40	06

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11**  
**Học phần: Kinh tế quốc tế**

STT	Mã Sv	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
271	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	000271			06
272	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	000272	746	4.40	06
273	1101020487	Phùng Thùy	Anh	15/02/2005	KD11G	000273	625	5.60	06
274	1101020777	Trần Thị Phương	Anh	28/07/2005	KD11G	000274	571	3.40	06
275	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	000275	487	6.60	06
276	1101020932	Đình Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	000276	352	4.40	06
277	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	000277	213	4.20	06
278	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	000278	130	6.80	06
279	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	000279	894	5.80	06
280	1101020068	Nguyễn Tài	Dương	14/11/2005	KD11G	000280	746	8.00	06
281	1101020943	Đỗ Thị Hồng	Duyên	22/02/2005	KD11G	000281	625	5.00	06
282	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	000282	571	4.20	06
283	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	000283	487	6.40	06
284	1101020085	Phùng Hải	Hà	22/06/2005	KD11G	000284	352	7.20	06
285	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	000285	213	6.00	06
286	1101021334	Đình Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	000286	130	5.20	06
287	901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	000287	894	5.20	06
288	1101020109	Tô Ánh	Hồng	09/09/2005	KD11G	000288	746	6.00	06
289	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	000289	894	6.60	06
290	1101020123	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/07/2005	KD11G	000290	746	4.60	06
291	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	000291	625	8.00	06
292	1101020977	Trần Trung	Kiên	22/02/2005	KD11G	000292	571	6.80	06
293	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	000293	487	5.20	06
294	1101020139	Hoàng Thị	Lệ	21/01/2005	KD11G	000294	352	5.80	06
295	1101020150	Lưu Thùy	Linh	02/01/2005	KD11G	000295	213	7.80	06
296	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	000296	130	4.20	06
297	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	000297	894	2.80	06
298	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	000298	746	4.00	06
299	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	000299	625	6.60	06
300	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	000300	571	7.80	06

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11**  
**Học phần: Kinh tế quốc tế**

STT	Mã Sv	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
301	1101021333	Nguyễn Hoàn	Ngọc	07/08/2005	KD11G	000301	487	6.80	06
302	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	000302	352	6.40	06
303	1101020212	Bùi Thị	Nguyệt	06/07/2005	KD11G	000303	213	5.40	06
304	1101020221	Phạm Yên	Nhi	09/08/2005	KD11G	000304	130	6.20	06
305	1101020658	Lương Tâm	Như	12/09/2004	KD11G	000305	894	5.40	06
306	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	000306	746	5.60	06
307	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	000307	625	5.40	06
308	1101020236	Lý Thu	Phuong	28/07/2005	KD11G	000308	571	6.40	06
309	1101021025	Vương Thị	Phuong	30/06/2005	KD11G	000309	487	8.40	06
310	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	000310	352	4.60	06
311	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	000311	213	3.60	06
312	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	000312	130	3.80	06
313	1101020265	Nguyễn Phương	Thảo	27/07/2005	KD11G	000313	894	5.80	06
314	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	000314	746	4.40	06
315	1101020364	Lê Tô	Trang	12/09/2005	KD11G	000315	625	7.60	06
316	1101020297	Lục Hà	Trang	11/03/2005	KD11G	000316	571	5.60	06
317	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	000317	487	7.00	06
318	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	000318	352	4.40	06
319	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	KD11G	000319	213	8.00	06
320	1101020313	Đinh Lê Anh	Tuấn	17/09/2005	KD11G	000320	130	4.20	06
321	1101020321	Hoàng Thị Thanh	Vân	15/10/2005	KD11G	000321	894	7.40	06
322	1101020328	Phạm Thanh	Xuân	22/09/2005	KD11G	000322	746	6.00	06
323	1101020330	Đỗ Ngọc	Yên	01/10/2005	KD11G	000323	625	5.80	06
324	1101020332	Đỗ Hải	Yến	23/08/2005	KD11G	000324	571	4.60	06
325	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	6/6/2004	KD10D	000325	487	4.00	

Tổng số bài thi: 317

Cán Bộ Chấm 1



Nguyễn Thị Bích Hương

Hưng Yên. Ngày 30 tháng 6 năm 2026

Cán bộ chấm 2



Đỗ Thu Hương